

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 01-6-2021.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn;

2. Ông Đoàn Thế Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Duy H, sinh năm 1983; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Chị N, anh H cùng hộ khẩu thường trú: Xóm 26, xã X, huyện T, tỉnh T; cùng tạm trú: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh H tự chung sống với nhau vào năm 2004, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống tại tỉnh Thanh Hóa và có cuộc sống tự lập. Năm 2019, vợ chồng chuyển vào sống tạm trú tại ấp Phước Đức A, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, khi về nhà thì kiểm chuyện chửi và đánh chị nhiều lần. Vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 8-2020 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung:

Trịnh Duy Tuấn Linh, sinh ngày 03-12-2004 và Trịnh Thị Hà Nhi, sinh ngày 09-11-2008 hiện đang sống chung với vợ chồng chị.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nhi, chị đồng ý để anh H nuôi cháu Linh, chị và anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo lời khai của bị đơn anh Trịnh Duy H thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án:

Thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung là đúng. Nay anh không đồng ý ly hôn chị N.

Nếu Tòa xét xử cho chị N và anh ly hôn, anh có ý kiến như sau:

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Linh, anh đồng ý để chị N nuôi cháu Nhi, anh và chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Duy H.

Về con chung:

Giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Hà Nhi, sinh ngày 09-11-2008.

Giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trịnh Duy Tuấn Linh, sinh ngày 03-12-2004.

Ghi nhận chị N, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Trịnh Duy H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H chung sống với nhau vào năm 2004, không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N và anh H đã xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ tháng 8-2020 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn chị N. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H.

[3] Về con chung: Xét thấy chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhi, cháu Nhi cũng có nguyện vọng theo sống với chị N. Anh H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Linh, cháu Linh cũng có nguyện vọng theo sống với anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nhi cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Linh cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận chị N, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N, anh H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Duy H.

2. Về con chung:

Giao chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Thị Hà Nhi, sinh ngày 09-11-2008.

Giao anh Trịnh Duy H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Duy Tuấn Linh, sinh ngày 03-12-2004.

Ghi nhận chị N, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị N, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012501 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị N, anh H biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Đứng

